

Số: 164/BC-HĐND

Cà Mau, ngày 04 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Ngân sách và phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra các văn bản trình Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XI. Ngày 02/6/2026, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Kết quả thẩm tra, như sau:

1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết; ý kiến đại biểu và vấn đề còn ý kiến khác nhau

a) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện quy định tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC¹ ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông, HĐND tỉnh Cà Mau ban hành Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 và HĐND tỉnh Bạc Liêu ban hành Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020.

Sau sáp nhập, nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau được thực hiện theo địa giới hành chính quy định tại Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của HĐND tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu, cho đến khi có văn bản thay thế theo quy định tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2025 của HĐND tỉnh về việc áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Ngày 06/10/2025, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, có quy định “*Các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi*

¹ Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 01/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “*Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương*”.

bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01 tháng 6 năm 2026”.

Để công tác ban hành và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được chặt chẽ, thuận tiện, đảm bảo nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau hợp nhất) phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương² để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau ***là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.***

b) Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.
- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15.
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.
- Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

c) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết

- *Về phạm vi điều chỉnh:* Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- *Về đối tượng áp dụng:* Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- *Về nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết trình thẩm tra:* Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

² Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/02/2026 của Thường trực HĐND tỉnh về việc đăng ký xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

+ Nội dung chi, mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát, tham quan học tập khuyến nông³;

+ Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin, tuyên truyền cho hoạt động khuyến nông⁴;

³ 1. Chi thù lao cho giảng viên, tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ áp dụng theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước của tỉnh Cà Mau.

2. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học, khảo sát thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học, thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); nước uống giữa giờ, tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý tài sản công.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

⁴ 1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng

a) Chi xây dựng bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông, nông nghiệp; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút (tin viết, bài viết, ảnh, clip,...) đăng trên Bản tin khuyến nông trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết

- + Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất⁵;
- + Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông⁶;
- + Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông⁷
- + Nội dung chi, mức hỗ trợ khác⁸.

định Quy định mức chi cho hoạt động Công/trang Thông tin điện tử và chế độ nhuận bút trong lĩnh vực thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND và dự toán được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt. Đối với mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên diễn đàn, tọa đàm, hội thảo thực hiện theo điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

3. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm Nông nghiệp cấp tỉnh, khu vực, quốc gia

a) Hỗ trợ 100% chi phí gồm các nội dung: thông tin, tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ, triển lãm; thuê mặt bằng, dàn dựng, thiết kế, lắp đặt gian hàng; vận chuyển, mua, thuê, khấu hao mẫu vật, sản phẩm trưng bày; thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, nước uống, văn phòng phẩm; hoạt động Ban tổ chức; điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ; chi phí quản lý và chi khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với đơn vị cung cấp có liên quan và theo đơn giá thực tế được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

⁵ 1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn

a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn vùng bãi ngang ven biển được hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

c) Mô hình trình diễn ở địa bàn còn lại trong tỉnh được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư, thiết yếu để xây dựng mô hình.

d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí mô hình.

đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình.

e) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn, dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành.

2. Chi tập huấn kỹ thuật, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình, sơ kết, tổng kết mô hình, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này.

3. Hỗ trợ cho cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình tính bằng mức lương cơ sở/ tháng (x) thời gian thực tế theo tháng triển khai mô hình do cấp thẩm quyền phê duyệt.

⁶ 1. Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

2. Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

3. Tư vấn trực tiếp và các hoạt động dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành.

⁷ 1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 25/02/2026 của HDDND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chỉ tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.

⁸ 1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Mức chi theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các nghị quyết trước đây có cùng nội dung sẽ hết hiệu lực thi hành, gồm: (1) Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của HĐND tỉnh Cà Mau; (2) Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu.

+ Quy định điều khoản chuyển tiếp: (1) Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt; (2) Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này; (3) Đối với các nhiệm vụ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau đã được cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng nguồn vốn đã cấp để thực hiện đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

d) Ý kiến đại biểu và những vấn đề còn ý kiến khác nhau

- Tại Hội nghị thẩm tra, các đại biểu đã thảo luận, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ thêm một số nội dung của dự thảo Nghị quyết, như sau:

+ Phần căn cứ, đề nghị rà soát, thực hiện đúng quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP “*Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản*”. Theo đó, đề nghị không căn cứ *Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.*

+ Đề nghị tách Điều 1 thành 02 Điều; theo đó Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh; Điều 2 quy định đối tượng áp dụng, cho thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành.

+ Tại Điều 1

(1) Khoản 1 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh): Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC không được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC. Do đó, đề nghị bỏ cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC”.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông. Nội dung chi và định mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

(2) Khoản 2 Điều 1 (Đối tượng áp dụng): Đề nghị nghiên cứu xem xét quy định 02 khoản; theo đó khoản 1 là các *đơn vị quản lý nhà nước*, khoản 2 là các *tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông* trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

+ Tại Điều 2:

(1) Khoản 1 Điều 2: Đề nghị bổ sung thêm đối tượng “*trợ giảng*” và “*hướng dẫn viên tham quan*”, đảm bảo đúng quy định Thông tư số 75/2019/TT-BTC và làm cơ sở chi khi phát sinh thực tế.

(2) Khoản 2 Điều 2: Đề nghị biên tập đoạn “*Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý tài sản công*” cho ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với quy định hiện hành.

(3) Khoản 3 Điều 2: Đề nghị trình bày theo hình thức điều khoản điểm, đảm bảo đúng quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong đó, đề nghị xem lại nội dung quy định “*trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND*” là chưa phù hợp, lý do: Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND quy định thanh toán tiền phòng nghỉ cho đối tượng đi công tác ngoài tỉnh, không quy định phòng nghỉ trong tỉnh và Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của HĐND tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ cụ thể tiền phòng nghỉ. Do đó, đề xuất tăng mức chi này cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

+ Tại khoản 2 Điều 3: Mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, để dễ thực hiện thực hiện theo Thông tư số 75/2019/TT-BTC lại viện dẫn thêm Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN; ngoài ra, quy định tại một số mức chi không quy định cụ thể tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, đơn vị sẽ khó vận dụng. Do đó, đề nghị quy định cụ thể mức chi đối với nội dung này theo quy định của Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu.

+ Tại Điều 4

(1) Khoản 1 Điều 4: Đề nghị thông tin nguyên tắc hỗ trợ khi mô hình đạt nhiều tiêu chí hỗ trợ.

(2) Khoản 3 Điều 4: Đề nghị bỏ cụm “/tháng” cho phù hợp. Đồng thời xác định thời gian thuê theo tháng hay theo ngày để có quy định phù hợp.

+ Tại Điều 7

(1) Khoản 1 Điều 7: Quy định thuê chuyên gia ngoài nước và chuyên gia trong nước cùng mức chi phí có phù hợp hay không.

(2) Khoản 4 Điều 7: Cơ sở quy định mức trích 3% cho cơ quan khuyến nông; 5% cho tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông.

+ Đề nghị bổ sung bổ sung **quy định viện dẫn** tại điều khoản quy định hiệu lực thi hành.

+ Đề nghị quy định Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

+ Ngoài ra, đại biểu còn có một số góp ý về cách trình bày thể thức, câu từ, nhằm hoàn thiện dự thảo nghị quyết.

- *Ý kiến của đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường*

+ Khoản 1 Điều 2: Thống nhất bổ sung thêm đối tượng “*trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan*”.

+ Khoản 2 Điều 2: Thống nhất biên tập lại đoạn “*Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý tài sản công*” thành “*Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan*”.

+ Khoản 3 Điều 2: Thống nhất quy định mức chi hỗ trợ cụ thể tiền phòng nghỉ.

+ Khoản 2 Điều 3: Mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên diễn đàn, tọa đàm, hội thảo: Tiếp thu quy định mức chi cụ thể như Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu.

+ Khoản 1 Điều 4: Nguyên tắc hỗ trợ khi mô hình đạt nhiều tiêu chí hỗ trợ thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

+ Khoản 4 Điều 7: Cơ sở quy định mức trích 3% cho cơ quan khuyến nông; 5% cho tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

+ Các ý kiến còn lại của đại biểu, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ, nội dung dự thảo Nghị quyết, trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

Các ý kiến thảo luận của đại biểu được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, làm rõ, được đại biểu thống nhất.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, điều kiện thực tế tại địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

a) *Về tính hợp hiến*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp và không trái với các quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

b) *Về tính hợp pháp*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp, đảm bảo tính hợp pháp theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) *Về tính thống nhất với hệ thống pháp luật*: Nội dung dự thảo Nghị quyết

được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành⁹.

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nội dung dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính.

5. Nguồn lực tài chính, nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị quyết

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ ngân sách địa phương. Vì vậy, các điều kiện về nguồn lực và điều kiện cho việc thi hành Nghị quyết là đảm bảo tính khả thi.

Tuy nhiên, đến thời điểm thẩm tra, qua rà soát hồ sơ trình, Ban Kinh tế - Ngân sách mới nhận được ý kiến của Sở Tư pháp về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Các đơn vị Sở Tài chính, Sở Nội vụ và Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản góp ý tổng thể về nội dung dự thảo nghị quyết là chưa đầy đủ, chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, cụ thể: Sở Tài chính chưa có ý kiến về nguồn tài chính, Sở Nội vụ chưa có ý kiến về việc được phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực, Sở Khoa học và Công nghệ chưa có ý kiến về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND tỉnh đảm bảo theo quy định.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

a) Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Về trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở thống nhất lập danh mục xây dựng Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết, đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy trình, thời gian và thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình xây dựng văn bản, cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp dự thảo và các tài liệu có liên quan; đồng thời, đăng tải các tài

⁹ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

liệu này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đúng quy trình và có báo cáo kết quả thẩm định, đủ điều kiện trình kỳ họp¹⁰.

7. Quan điểm, ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

Qua nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết, kết quả thẩm tra và ý kiến thảo luận tại Hội nghị thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất cho rằng việc ban hành Nghị quyết ***thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh và cần thiết*** nhằm cụ thể hóa quy định của Trung ương¹¹ và thực hiện Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, có quy định “*Các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01 tháng 6 năm 2026*”, tạo sự thống nhất quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành¹²; đảm bảo nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Nội dung dự thảo Nghị quyết được cơ quan soạn thảo xây dựng trên cơ sở kế thừa những nội dung còn phù hợp của Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của HĐND tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu (trước sáp nhập) và bám sát theo các nội dung, mức chi được quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC. Phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đáp ứng yêu cầu chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Việc ban hành Nghị quyết nhằm thay thế các nghị quyết do HĐND tỉnh Cà Mau và HĐND tỉnh Bạc Liêu¹³ ban hành trước khi hợp nhất tỉnh, bảo đảm sự

¹⁰ Hồ sơ trình thẩm tra, gồm: (1) Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 20/5/2026 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh; (2) dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh; (3) bản so sánh thuyết minh dự thảo nghị quyết; (4) bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết; (5) Báo cáo số 550/BC-STP ngày 24/4/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết; (6) Báo cáo số 693/BC-SNNMT ngày 09/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết; (7) Công văn số 4940/SNNMT-KN ngày 19/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của thành viên UBND tỉnh (8) một số văn bản khác có liên quan.

¹¹ Tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

¹² Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

¹³ Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của HĐND tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu

thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để các cơ quan, đơn vị triển khai các hoạt động khuyến nông trên phạm vi toàn tỉnh, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và thực tiễn phát triển nông nghiệp hiện nay.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với các ý kiến đóng góp của đại biểu, ý kiến giải trình, tiếp thu của cơ quan soạn thảo¹⁴ và đề xuất của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Các chính sách hỗ trợ tập trung vào đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả; hỗ trợ ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp. Đây là những nội dung thiết thực, phù hợp với yêu cầu phát triển nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay, góp phần nâng cao trình độ sản xuất, tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy các nội dung chi, mức hỗ trợ của dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và khả năng cân đối ngân sách. Việc triển khai hiệu quả các chính sách khuyến nông sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; hỗ trợ người dân tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, từng bước hình thành nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, góp phần ổn định kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Đề nghị UBND tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông gắn với lợi thế, thế mạnh của từng vùng sinh thái; ưu tiên các mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong nông nghiệp, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển kinh tế tập thể và các sản phẩm chủ lực của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước. Đồng thời, thường xuyên đánh giá tác động chính sách, khả năng cân đối nguồn lực thực hiện, bảo đảm việc triển khai các chính sách hỗ trợ phù hợp với khả năng ngân sách địa phương và đạt hiệu quả thiết thực.

Đồng thời, chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND tỉnh đảm bảo theo quy định.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền; nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế địa phương; quy trình xây dựng và hồ sơ đầy đủ, đủ điều kiện để trình kỳ họp HĐND tỉnh. Các nội dung góp ý được cơ quan soạn thảo tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp.

¹⁴ Bổ sung thêm mức chi hỗ trợ cho đối tượng trợ giảng và hướng dẫn viên tham quan, thực hành tại khoản 1 Điều 2. Quy định mức hỗ trợ cụ thể tiền phòng nghỉ là 300.000 đồng/ngày/người tại khoản 3 Điều 2. Tại khoản 2 Điều 3 kế thừa mức chi của Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu. Tại khoản 3 Điều 4 xác định mức hỗ trợ cán bộ kỹ thuật bằng mức lương cơ sở/22 ngày cho phù hợp thực tế và theo quy định. Tại khoản 1 Điều 7, bỏ quy định thuê chuyên gia nước ngoài,...

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết.
Kính trình đại biểu HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thành viên Ban KT-NS;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trang Thông tin điện tử;
- Phòng CT. HĐND;
- Lưu: VT, LT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Vũ Hồng Như Yên